TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH HÀ TĨNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 172/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 29/8/2025
V/v: Tranh chấp hôn nhân gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ TĨNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Hà Ngân

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Tất Thể; Ông Trần Trung Thành

Thư ký phiên toà: Bà Trần Thị Cẩm Vân - Thư ký TAND tỉnh Hà Tĩnh.

Đại diện VKSND tỉnh Hà Tĩnh: Bà Dương Thị Thanh H - Kiểm sát viên.

Ngày 29/8/2025, tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 94/2025/TLST - HNGĐ ngày 04/4/2025 về "Tranh chấp hôn nhân gia đình", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 166/2025/QĐXX-ST ngày 11/8/2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 118/2025/QĐ-ST ngày 20/8/2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lê Thị X, sinh năm: 1993; Địa chỉ: thôn L, xã K, huyện K (nay là xã K), tỉnh Hà Tĩnh. Có đơn xin vắng mặt.

Bị đơn: Anh Trần Văn T, sinh năm: 1992; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú trước khi xuất cảnh: xóm I, xã K, huyện K, (nay là xã K), tỉnh Hà Tĩnh; Hiện đang lao động tự do tại nước ngoài. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo nội dung đơn khởi kiện và lời khai có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn chị Lê Thị X trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị **Lê Thị X** và anh **Trần Văn T** kết hôn hợp pháp với nhau vào ngày 06/12/2013 tại **Ủy ban nhân dân xã K**, **huyện K (nay là xã K), tỉnh Hà Tĩnh** trên cơ sở tự nguyện và không bị ai ép buộc. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc với nhau cho đến năm 2019 thì anh **T** đi lao động ở nước ngoài và cũng từ đó vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, không còn liên lạc với nhau nữa. Sau một thời gian chị **X** chuyển về ngoại sinh sống cho đến nay. Nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không tìm thấy tiếng nói chung. Mặt khác, do khoảng cách về địa lý và thời gian vợ chồng chung sống xa nhau quá lâu nên dẫn đến tình cảm phai nhạt, không còn

quan tâm, chia sẽ với nhau. Nay chị **Lê Thị X** nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không có hạnh phúc và không mong muốn duy trì cuộc sống hôn nhân này nữa nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh **Trần Văn T**.

- Về con chung: Chị **Lê Thị X** và anh **Trần Văn T** có 04 con chung là **Trần Lê Hồng Q**, sinh ngày 18/9/2014; **Trần Lê Hồng C**, sinh ngày 13/01/2016; **Trần Lê Hồng T1**, sinh ngày 24/4/2017 và **Trần Lê Hồng T2**, sinh ngày 13/5/2019 hiện nay các con đang sống cùng ông bà nội tại **xóm I, xã K, huyện K (nay là xã K), tỉnh Hà Tĩnh**. Khi ly hôn, chị **X** đồng ý giao 04 con chung cho anh **Trần Văn T** trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng đồng thời chị không phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con.

Các cháu **Trần Lê Hồng Q**, **Trần Lê Hồng C**, **Trần Lê Hồng T1**, và **Trần Lê Hồng T2** đều có ý kiến trình bày muốn được sống cùng bố và ông bà nội khi bố mẹ ly hôn. Trong thời gian bố ở nước ngoài các cháu mong muốn được sống cùng ông bà nội như hiện nay.

- Về con riêng: Trong thời kỳ hôn nhân, chị **Lê Thị X** có 01 con riêng, tên dự kiến đặt là **Nguyễn Yến N**, sinh ngày 01/6/2022. Chị **X** đề nghị Tòa án giao cho chị chăm sóc nuôi dưỡng cháu **Yến N**.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị **Lê Thị X** có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải và xin được vắng mặt trong toàn bộ quá trình Tòa án giải quyết vụ án.

Đối với bị đơn anh **Trần Văn T***:* Ngay từ khi thụ lý Tòa án đã thực hiện việc tống đạt thông báo thụ lý vụ án, các văn bản tố tụng. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã về xác minh tình trạng hôn nhân qua **UBND xã K** (cũ). Đồng thời xác minh qua gia đình bà **Nguyễn Thị T3** (mẹ đẻ anh **Trần Văn T**). Bà **T3** cho biết bà và gia đình đã nhận được Thông báo thụ lý giải quyết vụ án của Tòa án; bà thống nhất như trình bày của chị **Lê Thị X** về quan hệ hôn nhân, về con chung giữa chị và anh **T**. Đồng thời bà **T3** cũng nêu quan điểm bà và gia đình không can thiệp vào cuộc sống của các con. Hiện nay, anh **T** đang lao động tại Đài Loan (bà không rõ địa chỉ), kể từ ngày chị **X** bỏ về bên ngoại các cháu **Trần Lê Hồng Q**, **Trần Lê Hồng C**, **Trần Lê Hồng T1**, và **Trần Lê Hồng T2** vẫn được ông bà nội nuôi dưỡng, chăm sóc chu đáo. Đối với anh **Trần Văn T**, gia đình đã thông báo việc chị **X** có yêu cầu ly hôn với anh và anh có ý kiến thống nhất với chị yêu cầu của chị **X** về việc ly hôn cũng như trách nhiệm nuôi dưỡng 04 con chung của anh chị. Trong thời gian anh lao động ở nước ngoài, bà **Nguyễn Thị T3** (mẹ anh) sẽ thay anh chăm sóc các cháu, anh **T** không đề nghị chị **X** phải cấp dưỡng nuôi con. Bên cạnh đó, bà **Nguyễn Thị T3** cũng tự nguyện nhận các văn bản từ Tòa án thay anh **T**.

Để có đầy đủ căn cứ giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật, Tòa án đã gửi công văn đề nghị Ban đối ngoại **Đ** (VOV5) đăng thông tin cho anh **Trần Văn**

T. Đài tiếng nói Việt Nam đã đăng thông tin anh T trong các ngày 07,08,09/7/2025 nhưng anh không có mặt tại Tòa án để giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh sau khi nhận xét việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Thư ký và các đương sự đã phân tích nội dung vụ việc và đề nghị Tòa án: Áp dụng khoản 1 Điều 51, các Điều 56, 57, 81, 82, 83, 123 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 37, Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228 Bộ luật TTDS năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa XIV; khoản 1 Điều 10 Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, cụ thể:

- Về tình cảm: Chị **Lê Thị X** được ly hôn với anh **Trần Văn T**.

- Về con chung: Giao 04 con chung **Trần Lê Hồng Q**, sinh ngày 18/9/2014; **Trần Lê Hồng C**, sinh ngày 13/01/2016; **Trần Lê Hồng T1**, sinh ngày 24/4/2017 và **Trần Lê Hồng T2**, sinh ngày 13/5/2019 cho anh **Trần Văn T** trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Trong thời gian anh **T** đang ở nước ngoài, bà **Nguyễn Thị T3** (mẹ đẻ anh **T**) sẽ thay anh chăm sóc nuôi dưỡng các cháu. Chị **Lê Thị X** không phải cấp dưỡng nuôi con chung, được quyền đi lại thăm nom các con chung, không ai được phép cản trở.

- Về con riêng: Giao 01 con riêng, tên dự kiến đặt là **Nguyễn Yến N**, sinh ngày 01/6/2022 cho chị **Lê Thị X** được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

- Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

- Về án phí: chị **Lê Thị X** phải chịu án phí giải quyết vụ án ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có tại hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến trình bày của đương sự và đại diện Viện kiểm sát; Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. ***Về tố tụng:***

Chị **Lê Thị X** và anh **Trần Văn T** kết hôn hợp pháp với nhau vào ngày 06/12/2013 tại **Ủy ban nhân dân xã K**, **huyện K (nay là xã K), tỉnh Hà Tĩnh** trên cơ sở tự nguyện và không bị ai ép buộc. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc với nhau cho đến năm 2019 thì anh **T** đi lao động ở nước ngoài và cũng từ đó vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, không còn liên lạc với nhau nữa. Sau một thời gian chị **X** chuyển về ngoại sinh sống cho đến nay. Nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không tìm thấy tiếng nói chung. Mặt khác, do khoảng cách về địa lý và thời gian vợ chồng chung sống xa nhau quá lâu nên dẫn đến tình cảm phai nhạt, không còn quan tâm, chia sẽ với nhau. Nhận thấy tình trạng hôn nhân đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, vì vậy, chị **Lê Thị X** làm đơn và

đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh giải quyết cho chị được ly hôn với anh **Trần Văn T**.

Chị **Lê Thị X** có đơn xin giải quyết vắng mặt trong toàn bộ quá trình Tòa án giải quyết vụ án vì lý do công việc.

Anh Trần Văn T hiện đang lao động tại Đài Loan, theo công văn về phối hợp cung cấp thông tin số 444/QLXNC- Đ1, ngày 18/4/2025 của Phòng Q1 – Công an tỉnh H cung cấp thông tin: anh Trần Văn T, sinh ngày 01/7/1992, địa chỉ xã K, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh đã sử dụng hộ chiếu số P01331335 xuất cảnh qua Sân bay quốc tế Nội Bài ngày 02/3/2023 và hiện không thấy thông tin nhập cảnh về nước trên hệ thống. Căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành mở phiên tòa xét xử vắng mặt theo thủ tục chung.

[2]. ***Về nội dung:***

[2.1] *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Lê Thị X và anh Trần Văn T kết hôn hợp pháp với nhau vào ngày 06/12/2013 tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện K (nay là xã K), tỉnh Hà Tĩnh trên cơ sở tự nguyện và không bị ai ép buộc. Căn cứ quy định tại Điều 8, 9 Luật Hôn nhân và gia đình, hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Cuộc sống hôn nhân hạnh phúc được một thời gian thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Đến nay, vợ chồng đã ly thân trong thời gian dài, tình trạng hôn nhân không thể dung hòa, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị X khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với anh Trần Văn T.

Đối với bị đơn anh **Trần Văn T***:* Ngay từ khi thụ lý Tòa án đã thực hiện việc tống đạt thông báo thụ lý vụ án, các văn bản tố tụng. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã về xác minh tình trạng hôn nhân qua **UBND xã K** (cũ). Đồng thời xác minh qua gia đình bà **Nguyễn Thị T3** (mẹ đẻ anh **Trần Văn T**). Bà **T3** cho biết bà và gia đình đã nhận được Thông báo thụ lý giải quyết vụ án của Tòa án; bà thống nhất như trình bày của chị **Lê Thị X** về quan hệ hôn nhân, về con chung giữa chị và anh **T**. Đồng thời bà **T3** cũng nêu quan điểm bà và gia đình không can thiệp vào cuộc sống của các con. Hiện nay, anh **T** đang lao động tại Đài Loan (bà không rõ địa chỉ), kể từ ngày chị **X** bỏ về bên ngoại các cháu **Trần Lê Hồng Q**, **Trần Lê Hồng C**, **Trần Lê Hồng T1**, và **Trần Lê Hồng T2** vẫn được ông bà nội nuôi dưỡng, chăm sóc chu đáo. Đối với anh **Trần Văn T**, gia đình đã thông báo việc chị **X** có yêu cầu ly hôn với anh và anh có ý kiến thống nhất với chị yêu cầu của chị **X** về việc ly hôn cũng như trách nhiệm nuôi dưỡng 04 con chung của anh chị. Trong thời gian anh lao động ở nước ngoài, bà **Nguyễn Thị T3** (mẹ anh) sẽ thay anh chăm sóc các cháu, anh **T** không đề nghị chị **X** phải cấp dưỡng nuôi con. Bên cạnh đó, bà **Nguyễn Thị T3** cũng tự nguyện nhận các văn bản từ Tòa án thay anh **T**.

Để có đầy đủ căn cứ giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật, Tòa án đã gửi công văn đề nghị Ban đối ngoại **Đ** (VOV5) đăng thông tin cho anh **Trần Văn**

T. Đài tiếng nói Việt Nam đã đăng thông tin anh **T** trong các ngày 07,08,09/7/2025 nhưng anh không có mặt tại Tòa án để giải quyết vụ án.

Hiện nay, anh T đang lao động tự do Đài Loan, Tòa án đã thực hiện đầy đủ thủ tục xác minh địa chỉ, đồng thời nhắn tin trên phương tiện thông tin đại chúng nhưng anh T không có văn bản trình bày ý kiến và không có mặt để làm việc theo giấy báo. Vì vậy đây thuộc trường hợp bị đơn cố tình che giấu địa chỉ theo khoản 1 Điều 10 Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Xét thấy, tình cảm vợ chồng giữa chị X và anh T đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, vì vậy, cần chấp nhận cho chị X được ly hôn với anh T.

[2.2] *Về con chung*: Trong thời kỳ hôn nhân, vợ chồng có 04 con chung **Trần Lê Hồng Q**, sinh ngày 18/9/2014; **Trần Lê Hồng C**, sinh ngày 13/01/2016; **Trần Lê Hồng T1**, sinh ngày 24/4/2017 và **Trần Lê Hồng T2**, sinh ngày 13/5/2019. Kể từ ngày vợ chồng xảy ra mâu thuẫn và từ thời điểm chị **X** bỏ về sinh sống bên nhà ngoại cho đến nay, các cháu đều được ông bà nội chăm sóc, nuôi dưỡng chu đáo và các cháu đều có nguyện vọng được sống với bố và ông bà nội khi bố mẹ ly hôn. Hiện nay, anh **T** đang lao động ở nước ngoài việc nuôi dưỡng 04 con chung được bà **Nguyễn Thị T3** (mẹ đẻ anh **T**) tự nguyện thay anh chăm sóc các cháu. Hơn nữa, hiện nay chị **X** không có việc làm ổn định không có điều kiện để trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung, bản thân chị cũng tự nguyện giao 04 con chung cho anh **Trần Văn T** chăm sóc nuôi dưỡng. Vì vậy, hiện tại giao cả 04 con chung cho anh **T** trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng là phù hợp. Chị **X** không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[2.3] Về con riêng: Trong thời kỳ hôn nhân, chị **Lê Thị X** có 01 con riêng dự kiến đặt tên là **Nguyễn Yến N**, sinh ngày 01/6/2022. Chị **X** có yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc cháu **Yến N**. Xét thấy, mặc dù cháu **Yến N** được sinh ra trong thời kỳ hôn nhân của chị **Lê Thị X** và anh **Trần Văn T**, nhưng cả anh **T** và chị **X** đều khẳng định vợ chồng có 04 con chung là các cháu **Trần Lê Hồng Q**, sinh ngày 18/9/2014; **Trần Lê Hồng C**, sinh ngày 13/01/2016; **Trần Lê Hồng T1**, sinh ngày 24/4/2017 và **Trần Lê Hồng T2**, sinh ngày 13/5/2019. Đồng thời trong các tài liệu kèm theo đơn khởi kiện, chị **X** có xuất trình 01 kết quả xét nghiệm AND kết luận cháu **Yến N** quan hệ huyết thống cha con với người khác, không phải anh **Trần Văn T**, vì vậy giao cháu **Nguyễn Yến N** cho chị **X** trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp.

[2.4] *Về tài sản chung, nợ chung*: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] *Về án phí và quyền kháng cáo*: Nguyên đơn Lê Thị X phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 1 Điều 51, các Điều 56, 57, 81, 82, 83, 123 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 37, Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228 Bộ luật TTDS năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa XIV; khoản 1 Điều 10 Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, cụ thể:

1. Về tình cảm: Chị **Lê Thị X** được ly hôn với anh **Trần Văn T**.

2. Về con chung: Giao 04 con chung **Trần Lê Hồng Q**, sinh ngày 18/9/2014; **Trần Lê Hồng C**, sinh ngày 13/01/2016; **Trần Lê Hồng T1**, sinh ngày 24/4/2017 và **Trần Lê Hồng T2**, sinh ngày 13/5/2019 cho anh **Trần Văn T** trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị **Lê Thị X** không phải cấp dưỡng nuôi con chung và được quyền đi lại thăm nom các con chung, không ai được phép cản trở.

3. Về con riêng: Giao 01 con riêng, tên dự kiến đặt là **Nguyễn Yến N**, sinh ngày 01/6/2022 cho chị **Lê Thị X** được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

4. Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

5. Về án phí: Chị **Lê Thị X** phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm (được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 000003628950 ngày 04/4/2025 của Cục Thi hành án Dân sự tỉnh Hà Tĩnh – Qua dịch vụ công trực tuyến).

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Tòa phúc thẩm TANDTC tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Hà Tĩnh;
- Cơ quan THADS tỉnh Hà Tĩnh;
- UBND xã Kỳ Văn;
- Đương sự;
- Lưu HS, TDS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Hà Ngân